

Bản án số: **35/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/6/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991; ĐKKHKT và trú tại: Xóm 7B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1992; ĐKKHKT & trú tại: Xóm 7B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình ( vắng mặt lần hai không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Về phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trong đơn khởi kiện ngày 17/03/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã L, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 7B, xã L; chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn không giải quyết được nên chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Theo chị Nguyễn Thị M nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung, không thể khắc phục được. Chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2022, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị M xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 19/01/2013 và Đỗ Phương T1, sinh ngày 15/4/2016. Khi ly

hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu T1, anh T nuôi cháu Q, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị M xác định vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về phía bị đơn anh Đỗ Văn T trong các biên bản ngày 26/4/2023 và 15/5/2023, 23/5/2023 thể hiện:**

Thời điểm thụ lý giải quyết vụ án anh T có mặt tại địa phương, các thời điểm làm việc anh T đi làm không có nhà. Tại buổi làm việc tiến hành gọi điện cho anh T, anh T có nghe máy và cho biết nay anh đang đi làm, không thể về làm việc trực tiếp với Tòa án được. Anh đã nhận được đầy đủ các thông báo của Tòa án gửi cho anh, do bận công việc nên anh không tham gia được.

Mẹ đẻ anh T là bà Vũ Thị G cho biết gia đình bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T đã thông báo cho anh T biết, nhưng do anh T bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc. Bà cũng cung cấp cho Tòa án biết vợ chồng anh T chị M có phát sinh mâu thuẫn, xích mích, bà đã nhiều lần khuyên giải cả hai bên nhưng không có kết quả nên vợ chồng con trai bà đang sống ly thân. Bà cho biết anh T và chị M có 2 con chung hiện đang do bà nuôi dưỡng chăm sóc do anh T chị M đều bận đi làm.

Các con chung của vợ chồng là Đỗ Minh Q, sinh ngày 19/01/2013 và Đỗ Phương T1, sinh ngày 15/4/2016 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì cháu Đỗ Minh Q có nguyện vọng được ở anh T còn cháu T1 xin được ở với chị M khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa chị M giữ nguyên quan điểm về việc ly hôn cũng như quan điểm giải quyết về con chung

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Văn T;

Giao chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Đỗ Phương T1, sinh ngày 15/4/2016. Giao anh Đỗ Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Đỗ Minh Q, sinh ngày 19/01/2013; Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Đỗ Văn T, tạm trú tại: Xóm 7B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn anh Đỗ Văn T đã được thông đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tạm nhà bố mẹ anh T tại xóm 7B, xã L. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Theo chị Nguyễn Thị M nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Về phía anh T không có ý kiến quan điểm về vấn đề này

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị M và anh T tại UBND xã L là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị M và anh T không còn chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh T và chị M chưa hòa giải tại cơ sở.

Mẹ đẻ anh T là bà Vũ Thị G cung cấp cho Tòa án biết vợ chồng anh T chị M có phát sinh mâu thuẫn, xích mích, bà đã nhiều lần khuyên giải cả hai bên nhưng không có kết quả nên vợ chồng con trai bà đang sống ly thân.

Từ những căn cứ nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị M và anh T hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị M giải quyết ly hôn anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị M và anh T đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Đỗ Minh Q, sinh ngày 19/01/2013 và Đỗ Phương T1, sinh ngày 15/4/2016.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu T1, để anh T nuôi cháu Q, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau kể từ khi ly hôn đến khi các con chung thành niên.

Thực tế từ khi sống ly thân, cả hai con chung ở với mẹ đẻ anh T là bà Vũ Thị G nuôi dưỡng do hai anh chị đều bận đi làm; cả chị M và anh T đều cùng đang cư trú tại xóm 7B xã L; việc giao cháu Đỗ Phương T1 cho chị M và giao cháu Đỗ Minh Q cho anh T nuôi dưỡng khi ly hôn đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập bình thường của các cháu cũng như nguyện vọng của các cháu khi được hỏi; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi như chị M đề xuất là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết; anh T không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Trường hợp anh T có yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Văn T.**

**2. Về con chung:** giao chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Đỗ Phương T1, sinh ngày 15/4/2016 anh Đỗ Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng Đỗ Minh Q, sinh ngày 19/01/2013 đến khi thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 4843 ngày 07/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thế Anh**